

Ngày: 03-3-2021

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Công Định

2. Ông Lê Bình Triệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bảo Trâm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 03 tháng 3 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 552/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Ngọc A, sinh năm 1970 (có mặt)

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

2. *Bị đơn:* Ông Võ Thành N, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Trình bày của bà Huỳnh Ngọc A tại đơn khởi kiện ngày 07/12/2020 và quá trình giải quyết vụ án:*

Hôn nhân: Bà Huỳnh Ngọc A và ông Võ Thành N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 24/12/2002. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống với nhau tại Khóm A, thị trấn TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã với nhau nên bà A yêu cầu được ly hôn với ông N.

Con chung: Bà A và ông N có 01 người con chung tên Võ Huỳnh Ánh N, sinh ngày 11/10/2003 (giới tính nữ), hiện sống chung với vợ chồng. Khi ly hôn, bà A yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con, không đặt ra yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Bà A và ông N tự thỏa thuận phân chia, nợ chung không có nên không đặt ra yêu cầu xem xét.

**Trình bày của ông Võ Thành N tại biên bản hòa giải ngày 24/12/2020:*

Ông N xác định lời trình bày của bà A là đúng sự thật. Do con tình cảm nên ông N không thống nhất ly hôn với bà A, ông yêu cầu được đoàn tụ. Trường hợp ly hôn, ông N thống nhất để cho bà A tiếp tục nuôi dạy con chung là cháu Võ Huỳnh Ánh N, sinh ngày 11/10/2003 (giới tính nữ), ông không cấp dưỡng nuôi con, ông yêu cầu được thăm con theo quy định của pháp luật. Tài sản chung bà A và ông N tự thỏa thuận, nợ chung không có nên không đặt ra yêu cầu xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Huỳnh Ngọc A khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là ông Võ Thành N. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Ông N có nơi cư trú tại khóm A, thị trấn TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà A thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng ông Võ Thành N vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông N theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Bà Huỳnh Ngọc A và ông Võ Thành N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 24/12/2002. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống với nhau tại Khóm A, thị trấn TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã với nhau nên bà A yêu cầu được ly hôn với ông N. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông N đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống, bà A xác định vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, mâu thuẫn vợ

chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân giữa bà Anh và ông N không đạt được. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải để bà A và ông N có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả, bà A yêu cầu ly hôn với ông N nhưng ông N không thống nhất ly hôn, ông yêu cầu được đoàn tụ, thấy rằng hôn nhân phải xây dựng trên cơ sở tự nguyện của vợ và chồng, bà A và ông N đã được Tòa án hòa giải nhưng không có kết quả, việc bà A cương quyết ly hôn với ông N cho thấy bà A không còn tình cảm, không có thiện chí đoàn tụ với ông N, ông bà không thể tiếp tục chung sống với nhau nên cần chấp nhận yêu cầu của bà A về việc ly hôn với ông N. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho bà A và ông N được ly hôn là phù hợp.

[4] Về con chung: Bà A và ông N có 01 người con chung tên Võ Huỳnh Ánh N, sinh ngày 11/10/2003 (giới tính nữ), hiện sống chung với vợ chồng. Khi ly hôn, bà A yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con, không đặt ra yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án, ông N tự nguyện giao con chung cho bà A tiếp tục nuôi dạy. Xét thấy con chung đã trên 07 tuổi, cháu N có nguyện vọng sống chung với mẹ là bà A, đây là ý kiến tự nguyện của cháu N, bà A và ông N thống nhất thỏa thuận việc nuôi dạy con chung nên cần giao con chung cho bà A tiếp tục nuôi dạy là phù hợp. Bà A không đặt ra yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Ông N được quyền đến thăm con không ai được ngăn cản.

[5] Tài sản chung: Bà A và ông N xác định vợ chồng tự thỏa thuận nên không đặt ra yêu cầu xét. Do đó không xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà A và ông N xác định vợ chồng không có nợ chung. Quá trình giải quyết vụ án không ai đặt ra yêu cầu xem xét về nợ chung của vợ chồng nên không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà A phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xét xử vắng mặt ông Võ Thành N.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Ngọc A về việc ly hôn đối với ông Võ Thành N.

2.1. Về hôn nhân: Bà Huỳnh Ngọc A và ông Võ Thành N được ly hôn.

2.2. Về con chung: Giao cháu Võ Huỳnh Ánh N, sinh ngày 11/10/2003 (giới tính nữ cho bà A tiếp tục nuôi dạy. Bà A không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Ông N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

2.3. Tài sản chung: Bà A và ông N tự thỏa thuận không yêu cầu xem xét.

Nợ chung: Không có.

3. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà A phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 07 tháng 12 năm 2020, bà A có dự nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0011368 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông N vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND thị trấn TB;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Lan Anh